TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 77/2024/DS-ST Ngày: 28/6/2024 *V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Sỹ Danh Huệ;** Ông **Tạ Văn Thắng**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**, thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Cúc**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 18/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐHPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Huyền Đ**, sinh năm 1966;

HKTT và nơi ở: Xóm 9, thôn 3, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Bùi Mạnh C**, sinh năm 1976;

HKTT và nơi ở: Ngõ H, TDP P, thị trấn Q, huyện Q, TP. Hà Nội.

Ông Đ có mặt; Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huyền Đ ngày 10/01/2024 và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:*

Anh Đ và anh C quen biết từ lâu do là người cùng cơ quan với nhau. Quan hệ giữa anh Đ với bố mẹ anh C cũng khá thân thiết. Trước đây anh C đi

lao động nước ngoài anh cũng giúp đỡ vay tiền cho đi. Sau đó đến năm 2011 anh C lại về công ty anh làm việc là lái xe trong cơ quan.

Từ năm 2011 đến năm 2012 anh Đ đã 03 lần cho anh C vay tiền để anh C lấy vốn làm ăn. Vì là chỗ quen biết nên anh Đ tin tưởng và đồng ý cho anh C vay mà không xác định thời hạn trả (do trong giấy vay ghi nhận khi anh cần anh C trả ngay). Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/01/2011 anh C đặt vấn đề vay anh số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để lấy vốn kinh doanh. Anh cũng biết từ trước đến nay anh C có cho người khác vay tiền để lấy lãi nên anh tin tưởng và đồng ý cho anh C vay số tiền trên. Cùng ngày, anh C đã tự tay viết Giấy biên nhận vay tiền và có ký nhận đầy đủ. Hai bên thỏa thuận bằng miệng về lãi suất như sau: Hàng tháng anh C phải trả lãi cho anh là 3%/tháng và anh C cũng cam kết khi nào anh cần tiền thì anh C sẽ thanh toán trả anh ngay toàn bộ số tiền trên. Khoản vay này anh C đã trả lãi cho anh được 03 tháng thì dừng hẳn cho đến nay vẫn chưa trả anh thêm đồng nào.

Lần 2: Đến ngày 03/3/2011 anh tiếp tục cho anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Cùng ngày anh C cũng tự tay viết giấy biên nhận vay tiền và có ký nhận đầy đủ. Hai bên cũng thỏa thuận bằng miệng về việc anh C sẽ trả lãi hàng tháng cho anh là 3%/tháng. Khoản vay này anh C đã trả lãi cho anh được 02 tháng thì dừng hẳn cho đến nay vẫn chưa trả anh thêm đồng nào.

Lần 3: Đến ngày 30/01/2012 anh tiếp tục cho anh C vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Cùng ngày anh C cũng tự tay viết Giấy biên nhận vay tiền và có ký nhận đầy đủ. Hai bên cũng thỏa thuận bằng miệng về việc anh C sẽ trả lãi hàng tháng cho anh là 3%/tháng. Nhưng đối với khoản vay này anh C chưa trả được lãi cho anh tháng nào.

Sau đó khoảng 06 tháng kể từ khi vay lần 3, anh thấy anh C cứ khất lần khất lượt, không trả lãi cho anh nên anh có đặt vấn đề với anh C về việc đòi lại toàn bộ số tiền cho vay thì anh C lại trình bày hoàn cảnh khó khăn, chưa trả được nợ cho anh như cam kết. Vì là đồng nghiệp làm cùng cơ quan nên anh cũng nể nang để cho anh C trả nợ dần theo lời hứa. Từ đó đến nay đã hơn 11 năm kể từ khi anh yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh nhưng anh C vẫn không có thái độ thiện chí trả nợ cho anh, cứ trốn tránh việc trả nợ cho anh. Anh nhận thấy vụ việc hai bên không thể nói chuyện với nhau bằng tình cảm được nữa nên nay anh đã làm đơn khởi kiện anh C đến Tòa án nhân dân huyện Q để yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật: Buộc anh Bùi Mạnh C phải thanh toán trả anh tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Bùi Mạnh C qua đường bưu điện và phiếu báo phát*

hoàn về thì ông C hoặc người thân của ông C đã nhận nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc.

** Tại phiên tòa,*

- *Nguyên đơn* giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông C thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn* đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đầy đủ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án kiểm sát nghiên cứu đúng quy định phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình lẩn tránh không đến Tòa nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt là phù hợp với pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huyền Đ. Buộc ông C phải trả cho ông Đ số tiền 500 triệu đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: Ông C phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Ông Đ không phải chịu án phí DSST; Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Đ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Bùi Mạnh C có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại TDP P, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc, không có yêu cầu phản tố cũng như không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án mặc dù Tòa án có nêu rõ hậu quả pháp lý của việc bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện trong Thông báo thụ lý vụ án nên đây được coi là trường hợp bị đơn từ chối trình bày ý kiến cũng như từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai, không có lý do nên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Theo các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Vào các ngày 30/01/2011, ngày 03/3/2011 và ngày 30/01/2012, ông Đ đã cho ông C vay 03 lần với số tiền lần lượt là 200 triệu đồng, 100 triệu đồng và 200 triệu đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng và không xác định thời hạn trả nợ. Tổng ba khoản vay là 500 triệu đồng. Cả ba lần vay, ông C đều tự viết Giấy biên nhận vay tiền ngày 30/01/2011, ngày 03/3/2011 và ngày 30/01/2012 và có chữ ký đầy đủ của bên vay là ông Bùi Mạnh C. Nội dung và hình thức của 03 Giấy biên nhận vay tiền nêu trên đều tuân thủ theo quy định của pháp luật, không trái đạo Đ hay vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên về quyền và nghĩa vụ.

Quá trình trả nợ, theo ông Đ trình bày thì ông C chưa trả cho ông Đ đồng nợ gốc nào kể từ khi vay cho đến nay. Ông C có trả tiền lãi cho ông Đ 03 tháng đầu khi vay số tiền 200 triệu đồng vào ngày 30/01/2011 và 02 tháng đầu khi vay số tiền 100 triệu đồng vào ngày 03/3/2011 với lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng (vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tuy nhiên sau đó do ông C dừng việc trả lãi, còn ông Đ không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Do ông C chưa trả được cho ông Đ đồng nào, ông Đ đã xuất trình đủ 03 Giấy biên nhận vay tiền do ông C tự viết và ký nhận đầy đủ như đã nêu ở trên nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ: Buộc ông C phải thanh toán trả cho ông Đ tổng số tiền nợ gốc là 500 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3]. Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 10/1/2024 của ông Nguyễn Huyền Đ.

2. Buộc ông Bùi Mạnh C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huyền Đ tổng số tiền gốc vay là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông C phải chịu 24.000.000 đồng *(Hai mươi tư triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đ số tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0019865 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ./.

Nơi gửi:
- *Toà án thành phố Hà Nội;*
- *VKS huyện Q;*
- *Thi Hành án Dân sự Q;*
- *Lưu hồ sơ, dán án;*
- *Các đương sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thanh